

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn,

Vay nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phượng

Bà Phạm Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại Phòng xét xử số 02 Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn, vay nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bé Thị C (Bé Thị C1), sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020176001809, ngày cấp 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Số định danh cá nhân: 020075001461. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: 169 LĐ, phường H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Sỹ Đ – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số 10107/QĐ-NHCS ngày 19/11/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và Giấy ủy quyền số 51/UQ-NHCS ngày 13/4/2026 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bé Thị C trình bày:

Chị Bé Thị C kết hôn với anh Hoàng Văn T vào năm 2002, trước khi kết hôn được gia đình hai bên mai mối nhưng tự nguyện kết hôn, không bị lừa dối, ép buộc; đăng ký kết hôn ngày 14/8/2007 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn, sinh được một người con là tên là Hoàng Văn T1, sinh năm 2003. Từ đầu năm 2021 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh Hoàng Văn T ham chơi cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh Hoàng Văn T còn mang tài sản gia đình đi bán, vay mượn tiền để đánh bạc khiến cho kinh tế gia đình gặp khó khăn. Năm 2022 anh Hoàng Văn T đuổi chị Bé Thị C về nhà ngoại sinh sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, không liên lạc gì với nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Bé Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn T. Về con chung: Có 01 con chung tên là Hoàng Văn T1, sinh ngày 14/12/2003, hiện nay con chung đã trưởng thành và đang đi làm công nhân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Năm 2022 chị Bé Thị C có ký giấy uỷ quyền cho anh Hoàng Văn T làm thủ tục vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn chăn nuôi dê. Anh Hoàng Văn T là người trực tiếp giao dịch, nhận tiền giải ngân và trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Năm 2025 anh Hoàng Văn T tiếp tục vay nợ 50.000.000 đồng ở Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch B, tỉnh Lạng Sơn, thời điểm này vợ chồng đã ly thân nên chị Bé Thị C không biết về khoản nợ này. Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2026 chị Bé Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, tuy nhiên do anh Hoàng Văn T không đến Tòa án trình bày ý kiến nên ngày 04/5/2026, chị Bé Thị C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng.

Toà án đã triệu tập anh Hoàng Văn T đến Toà án để trình bày lời khai về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh Hoàng Văn T không có mặt, không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, người đại diện theo uỷ quyền là ông Trần Sỹ Đ, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội B, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Vợ chồng ông Hoàng Văn T và bà Bé Thị C có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 100.000.000 đồng, gồm 02 khoản vay: Khoản vay thứ nhất 50.000.000 đồng theo mã món vay 6600000721917262 lập ngày 14/01/2022, lãi suất 9%/năm, thời gian vay 120 tháng từ ngày 14/01/2022 đến ngày 14/01/2032. Khoản vay thứ hai 50.000.000 đồng theo mã món vay 6600000730779718 lập ngày 14/4/2025, lãi suất 9%/năm, thời gian vay 60 tháng, từ ngày 14/4/2025 đến ngày 14/4/2030. Hiện nay các khoản vay đều đang trong hạn, quá trình vay vốn ông Hoàng Văn T đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng đầy đủ đúng quy định.

Do đó hiện nay chị Bé Thị C1 rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung thì phía Ngân hàng nhất trí, không có ý kiến gì khác.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 431/UBND-VP ngày 13/4/2026, UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Năm 2007 chị Bé Thị C1 (Bé Thị C) và anh Hoàng Văn T có đến UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn) đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống ở xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn). Tại biên bản xác minh ngày 04/6/2026 Công an xã H, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Công dân Hoàng Văn T, sinh năm 1975, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn, hiện anh Hoàng Văn T đang đi làm công ty, có được người thân thông báo về việc Toà án triệu tập đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với chị Bé Thị C nhưng anh Hoàng Văn T đang làm công ty không về được.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/5/2026, tuy nhiên anh Hoàng Văn T vắng mặt, chị Bé Thị C có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn không đến Tòa án, không tham gia các phiên họp, phiên tòa là không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bé Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn T. Về con chung: Không xem xét giải quyết do con chung đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường. Không xem xét giải quyết về tài sản chung do đương sự trình bày không có. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vay nợ chung do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Về án phí, buộc chị Bé Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, vay nợ chung, bị đơn cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên toà đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Bé Thị C và anh Hoàng Văn T có quen biết, yêu nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2007 tại UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2021 do anh Hoàng Văn T ham chơi cờ bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn, thậm chí mang tài sản gia đình đi bán, vay mượn tiền để đánh bạc khiến cho kinh tế gia đình gặp khó khăn. Từ năm 2022 anh Hoàng Văn T đuổi chị Bé Thị C về nhà ngoại ở thôn T, xã H sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm, không liên lạc gì với nhau nữa. Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Hoàng Văn T đến Toà án để trình bày lời khai, ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh Hoàng Văn T không có mặt; không tham gia phiên hoà giải, không tham gia phiên toà. Tại phiên toà hôm nay cả hai bên đương sự đều vắng mặt, thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Bé Thị C và anh Hoàng Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé Thị C.

[4] Về con chung: Chị Bé Thị C và anh Hoàng Văn T có 01 con chung tên là Hoàng Văn T1, sinh ngày 14/12/2003, hiện đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do nguyên đơn trình bày không có.

[6] Về vay nợ chung: Ngày 04/5/2026 nguyên đơn Bé Thị C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không có yêu cầu độc lập đối với nợ chung của vợ chồng nên Toà án đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ chung theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Bé Thị C là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238, khoản 2 Điều 244; các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bé Thị C (Bé Thị C1) được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Chị Bé Thị C và anh Hoàng Văn T có 01 con chung tên là Hoàng Văn T1, sinh ngày 14/12/2003. Hiện nay cháu Hoàng Văn T1 đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về vay nợ chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ chung của vợ chồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Bé Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Bé Thị C đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000727 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương